



GIÁO DỤC KĨ NĂNG THAM VẤN NGHỀ CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM KĨ THUẬT THÔNG QUA DẠY HỌC NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ DUYÊN

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
Email: nguyenduyenspkt@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết bàn luận về vấn đề xây dựng những kĩ năng tham vấn nghề cần có của sinh viên Sư phạm Kỹ thuật. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra cách thức tích hợp nội dung tham vấn nghề vào dạy học các môn nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên kĩ thuật, thiết kế minh họa cho chủ đề cụ thể nhằm giáo dục kĩ năng tham vấn nghề cho sinh viên Sư phạm Kỹ thuật.

Từ khóa: Giáo dục; Kĩ năng tham vấn nghề; Sư phạm Kỹ thuật; nghiệp vụ sư phạm.

(Nhận bài ngày 24/7/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 02/8/2017; Duyệt đăng ngày 25/12/2017).

1. Đặt vấn đề

Tham vấn nghề (TVN) có vai trò quan trọng trong việc trợ giúp học sinh (HS) phổ thông lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở khoa học. Hiện nay, ở các trường phổ thông, giáo dục (GD) hướng nghiệp nói chung và TVN nói riêng chủ yếu do giáo viên (GV) chủ nhiệm và GV giảng dạy môn Công nghệ đảm nhiệm. Đội ngũ này không được đào tạo chính quy về GD hướng nghiệp (GDHN). Vì vậy, việc GD kĩ năng (KN) TVN cho sinh viên (SV) Sư phạm Kỹ thuật (SPKT) là rất cần thiết. Giúp SV SPKT sau khi ra trường vừa đảm nhiệm tốt việc giảng dạy môn Công nghệ vừa thực hiện có hiệu quả hoạt động TVN trong nhà trường phổ thông - mục tiêu kép trong đào tạo GV kĩ thuật. Một trong những con đường GD KN TVN cho SV SPKT là thông qua dạy học các môn nghiệp vụ sư phạm (NVSP). *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Ứng dụng và Công nghệ, Trường Đại học SPKT Hưng Yên, đề tài mã số: UTEHY.T022.P1718.02.*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về tham vấn nghề, kĩ năng tham vấn nghề và chương trình nghiệp vụ sư phạm

Hiện nay, GDHN ở trường phổ thông được thực hiện qua các con đường chủ yếu như sau: Thông qua dạy học các môn khoa học cơ bản; Thông qua việc tổ chức hoạt động GDHN chính khóa; Thông qua hoạt động ngoại khóa; Thông qua hoạt động dạy và học môn Công nghệ; Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp và Thông qua TVN. Trong đó, TVN ở trường phổ thông được hiểu là quá trình tương tác giữa GV (người làm công tác TVN) và HS nhằm trợ giúp HS nâng cao năng lực giải quyết những khó khăn trong quá trình chọn nghề và lựa chọn được nghề cho bản thân trên cơ sở khoa học. Với những ưu thế đó thì TVN là một con đường GDHN vừa có tính độc lập vừa có mối liên hệ, tương tác, hỗ trợ các con đường GDHN khác giúp cho hoạt động GDHN ở trường

phổ thông đạt hiệu quả.

Có rất nhiều quan niệm về KN TVN, theo chúng tôi “KN TVN của GV phổ thông là một dạng hành động được GV thực hiện một cách tự giác dựa trên tri thức khoa học về hoạt động TVN và những điều kiện sinh học, tâm lí, xã hội có liên quan của GV để trợ giúp HS nhằm giúp họ nâng cao năng lực giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình chọn nghề”.

Trên cơ sở nghiên cứu về mục đích, nhiệm vụ, nội dung (ND), quy trình TVN và kế thừa những nghiên cứu về KN TVN của các tác giả Jennifer M Kidd [1]; Norman C.Gysbers, Mary J.Heppner, Joseph A. Johnston [2]; Căn cứ quy định của Bộ ngành liên quan về chức năng, nhiệm vụ GV phổ thông và đặc biệt yêu cầu về thực hiện hoạt động GDHN trong Dự thảo chương trình GD phổ thông tổng thể do Bộ GD và Đào tạo ban hành ngày 11 tháng 4 năm 2017, chúng tôi xác định KN TVN của GV phổ thông bao gồm:

* **Nhóm KN tham vấn cơ bản:** Đây là những KN cơ bản nền tảng, giúp cho thực hiện có hiệu quả hoạt động tham vấn nói chung, bao gồm các KN sau:

KN1.1: KN thiết lập mối quan hệ với HS.

KN1.2: KN đặt câu hỏi trong quá trình tham vấn.

KN1.3: KN lắng nghe trong quá trình tham vấn.

KN1.4: KN quan sát HS.

KN1.5: KN phản hồi trong quá trình tham vấn.

KN1.6: KN thấu hiểu HS.

* **Nhóm KN tham vấn chuyên biệt:** Đây là những KN riêng, được sử dụng trong những giai đoạn nhất định của quá trình TVN, bao gồm các KN sau:

KN2.1: KN tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí HS.

KN2.2: KN vận dụng kiến thức đa ngành vào quá trình tham vấn.

KN2.3: KN sử dụng trắc nghiệm và thiết bị đo các phẩm chất tâm sinh lí.

KN2.4: KN làm việc với cá nhân và tập thể trong quá trình tham vấn.

KN2.5: KN khai thác, phân tích, đánh giá thông tin trong quá trình tham vấn.

KN2.6: KN nghiên cứu về thế giới nghề nghiệp, về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế.

KN2.7: KN thiết kế và duy trì cơ sở dữ liệu có liên quan trong quá trình tham vấn.

Mỗi KN TVN kể trên bao gồm những thao tác cụ thể nói lên đặc thù riêng của từng KN.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung GD nhóm **KN tham vấn chuyên biệt** cho SV Sư phạm Kỹ thuật.

Trong chương trình đào tạo SV SPKT, các học phần thuộc chương trình NVSP bao gồm: Tâm lí học nghề nghiệp, GD học nghề nghiệp, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, thực tập sư phạm... được phân bố giảng dạy trong các học kì từ năm học thứ nhất đến năm cuối của khóa học. So với những học phần khác thì những học phần NVSP có tiềm năng lớn trong việc tích hợp ND TVN vào giảng dạy cho SV SPKT.

2.2. Giáo dục kĩ năng tham vấn nghề cho sinh viên Sư phạm Kỹ thuật thông qua dạy học nghiệp vụ sư phạm

2.2.1. Nội dung tham vấn nghề cần giáo dục cho sinh viên Sư phạm Kỹ thuật

Căn cứ vào những văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành có liên quan về công tác GD hướng nghiệp ở trường phổ thông như: Quyết định 126- CP [3], Chỉ thị số 33/2003/CT-BGDĐT [4], Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 [5], Thông báo số 3119/BGDĐT-GDCN [6]. Đặc biệt, những điểm mới về GDHN trong Dự thảo chương trình GD phổ thông tổng thể do Bộ GD và Đào tạo ban hành ngày 11 tháng 4 năm 2017 và thực trạng GDHN nói chung và TVN nói riêng ở các trường phổ thông hiện nay, chúng tôi xây dựng ND TVN cần tích hợp trong chương trình đào

tạo SV Sư phạm Kỹ thuật như sau:

ND1: Những vấn đề chung về TVN.

ND2: Lí thuyết và trắc nghiệm dùng trong TVN.

ND3: Xác định năng lực hướng nghiệp của HS.

ND4: Những KN dùng trong TVN.

ND5: Tổ chức TVN cho HS phổ thông.

ND6: TVN qua dạy học GD công nghệ ở trường phổ thông.

2.2.2. Lựa chọn nội dung trong chương trình nghiệp vụ sư phạm có tiềm năng tích hợp nội dung tham vấn nghề

Bảng 1: Các chủ đề phù hợp với tích hợp ND TVN theo chương trình NVSP ở Trường Đại học SPKT Hưng Yên

TT	Tên chủ đề trong chương trình NVSP	ND TVN được lồng ghép	KN TVN được GD cho SV SPKT
I. Tâm lí học nghề nghiệp			
1	Xu hướng nhân cách và động cơ của nhân cách	- ND2 - ND3 - ND4	- KN2.1 - KN2.3
2	Khí chất - Tính cách		
3	Năng lực		
4	Tâm lí học nhân cách GV kĩ thuật	ND3; ND4; ND5; ND6	KN2.4; KN2.2; KN2.6
5	Đặc điểm tâm lí lứa tuổi HS trung học phổ thông	- ND3 - ND5	KN2.1; KN2.2; KN2.3 KN2.4; KN2.6
6	Công tác hướng nghiệp	ND1; ND2; ND4; ND5; ND6	KN2.1; KN2.2; KN2.3; KN2.4; KN2.5; KN2.6
II. GD học nghề nghiệp			
1	Mục đích, nguyên lí và hệ thống GD quốc dân	ND1; ND5; ND6	- KN2.2 - KN2.6
2	Quá trình GD	ND1; ND6	
3	Công tác chủ nhiệm lớp	ND1; ND5	KN2.1; KN2.2; KN2.6
III. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học			
1	Lựa chọn đề tài và xây dựng đề cương nghiên cứu	- ND2 - ND3	KN2.1; KN2.3; KN2.6; KN2.7
2	Điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn		
3	Thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu		
4	Viết báo cáo khoa học		
IV. Thực tập sư phạm (Đợt 1: 3 tuần; Đợt 2: 5 tuần)			
Tuần 1 đợt 1 và tuần 1,2 đợt 2: Rèn luyện KN nghiên cứu HS		- ND2 - ND3	KN2.1; KN2.3; KN2.4
Tuần 2 đợt 1 và tuần 3 đợt 2: Rèn luyện KN thiết kế hoạt động trong dạy học và thực hiện công tác GV chủ nhiệm		- ND5 - ND6	- KN2.2 - KN2.4 - KN2.5 - KN2.7
Tuần 3 đợt 1 và tuần 4,5 đợt 2: Rèn luyện KN dạy học và KN tổ chức hoạt động của GV chủ nhiệm lớp			



Khi lựa chọn ND trong chương trình NVSP để tích hợp ND TVN cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Lựa chọn ND ở những học phần nhất định có tiềm năng tích hợp ND TVN trong giảng dạy cao, không tràn lan.

Nguyên tắc 2: ND/chủ đề đưa ra phải bám sát và không được thay đổi đặc trưng của chương trình đào tạo.

Căn cứ vào những KN TVN cần GD cho SV SPKT, các học phần NVSP trong chương trình đào tạo SV SPKT và những nguyên tắc đã đưa ra, chúng tôi thiết kế những chủ đề phù hợp với việc tích hợp ND TVN như sau:

Các chủ đề đã thiết kế bao hàm những kiến thức, KN cần hình thành cho SV SPKT và có những KN sẽ được hình thành ở trong một chủ đề, nhưng có những KN sẽ được hình thành và rèn luyện qua nhiều chủ đề và một chủ đề có thể hình thành và rèn luyện một hay nhiều KN khác nhau.

2.2.3. *Vận dụng những phương pháp trong dạy học nghiệp vụ sư phạm nhằm giáo dục kĩ năng tham vấn nghề cho sinh viên Sư phạm Kỹ thuật*

Để GD KN TVN cho SV SPKT, ngoài việc xây dựng ND TVN và thiết kế chủ đề có tích hợp ND TVN thì cần tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp theo hướng phát huy tính tích cực của người học và tạo điều kiện, cơ hội cho người học được trải nghiệm để rèn luyện KN dạy học nói chung và KN TVN cho SV SPKT với những phương pháp dạy học điển hình như dạy học dựa vào tình huống, dạy học nhóm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án.... Ví dụ về sự vận dụng phương pháp trên trong dạy học NVSP như sau:

Ví dụ: Để GD “KN tìm hiểu đặc điểm tâm lí HS”, chúng tôi lựa chọn chủ đề “**Khí chất - Tính cách**” trong học phần Tâm lí học nghề nghiệp thuộc chương trình NVSP và tích hợp vào chủ đề đó ND “**Xác định năng lực hướng nghiệp của HS**” và “**Trắc nghiệm dùng trong TVN**” với phương pháp dạy học theo dự án với tiến trình cụ thể như sau:

Dự án: “**Sử dụng trắc nghiệm trong tìm hiểu khí chất, tính cách HS**”

Mục tiêu:

- Phân tích được đặc điểm các loại khí chất, đặc điểm của tính cách.

- Sử dụng hiệu quả các trắc nghiệm về khí chất, tính cách để đánh giá đặc điểm tính cách của bản thân và

người khác.

- Xác định được những ngành nghề phù hợp với kết quả trắc nghiệm tính cách trong những tình huống theo yêu cầu.

- Tích cực trong rèn luyện KN nghề nghiệp cho bản thân.

Tiến trình dự án:

Giai đoạn 1: Đề xuất dự án

Ở giai đoạn này, giảng viên đưa ra một tình huống về Tính cách gắn với đối tượng là HS phổ thông.

Tình huống: Hoa là HS lớp 12A9 Trường Trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám. Hoa luôn chuẩn bị bài tốt trước khi đến lớp nhưng rất nhút nhát, ít khi tham gia các hoạt động trên lớp và không bảo vệ quan điểm của mình một cách công khai khi bị thách thức.

Giảng viên đặt câu hỏi:

1/ *HS Hoa trong tình huống trên có tính cách gì? Những biểu hiện của tính cách đó; 2/ Biện pháp GD tính cách cho HS Hoa?(có thể cho SV hồi tưởng lại một tình huống nói về tính cách và cách GD tính cách và chia sẻ trước lớp); 3/ Nên sử dụng những trắc nghiệm nào để tìm hiểu tính cách của Hoa và của các em HS khác; 4/ Ưu và nhược điểm và những công việc phù hợp cho từng kiểu tính cách?*

Thông qua những câu trả lời trên của SV, giảng viên thấy được những điều còn thiếu sót trong kinh nghiệm của SV về vấn đề Khí chất - Tính cách và đây như là nền tảng để định hướng các vấn đề nghiên cứu trong dự án.

Sau đó, giảng viên sẽ chia lớp thành các nhóm với số lượng và chất lượng đồng đều. Giảng viên sẽ gợi ý một số đề tài cho các nhóm nghiên cứu, ví dụ như: “*Sử dụng trắc nghiệm về tính cách và những công việc phù hợp cho nhiều tính cách khác nhau của H.J.Eysenck để tìm hiểu tính cách của 05 HS phổ thông. Nêu những đặc điểm, những công việc phù hợp cho từng kiểu tính cách?*”.

Kết thúc giai đoạn này các nhóm đã có được sự thống nhất về ý tưởng thực hiện cũng như sản phẩm cuối cùng cho đề tài của nhóm.

Giai đoạn 2: Lập kế hoạch thực hiện dự án

Ở trong giai đoạn này, tùy thuộc vào đề tài nhóm sẽ xây dựng kế hoạch thực hiện dự án trong đó nêu rõ những công việc cần làm, thời gian dự kiến, kinh phí, phương pháp tiến hành, sản phẩm dự kiến và phân công công việc trong nhóm...

Dự án nêu trên có kế hoạch cụ thể như sau:

Nhóm	Nhiệm vụ	Sản phẩm cần đạt	Nguồn lực
I	Trắc nghiệm tính cách và những công việc phù hợp cho nhiều tính cách khác nhau của H.J.Eysenck - Nghiên cứu về trắc nghiệm và cách sử dụng trắc nghiệm	- Cách sử dụng trắc nghiệm của H.J.Eysenck	- Tài liệu về trắc nghiệm tâm lí

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách đối tượng tham gia trả lời trắc nghiệm - Thực hiện trắc nghiệm trên đối tượng giả định và đối tượng thật theo yêu cầu - Tổng hợp kết quả trắc nghiệm của cả nhóm trên đối tượng thật - Nghiên cứu những nghề phù hợp với từng kiểu khí chất, tính cách đã tổng hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách HS tham gia trả lời trắc nghiệm - Kết quả trả lời trắc nghiệm của từng HS - Tổng hợp kết quả trả lời trắc nghiệm của cả nhóm HS - Báo cáo về những nghề phù hợp với từng kiểu khí chất, tính cách. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường phổ thông - Phiếu trắc nghiệm - Máy tính đã cài đặt phần mềm cần thiết
II	Trắc nghiệm tính cách MBTI		
III	Trắc nghiệm tâm lí tìm hiểu sở thích nghề nghiệp A.E.Gôlômstôc		

Giai đoạn 3: Thực hiện dự án

Ở giai đoạn này, từng nhóm SV sẽ thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch đã lập với sự tích cực, tự lực trong thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên. Khi thực hiện các trắc nghiệm trên đối tượng HS phổ thông các nhóm có thể chụp ảnh, đoạn phim minh họa, phóng sự ngắn về quá trình thực hiện các trắc nghiệm trên đối tượng thật.

Kết thúc giai đoạn này, các nhóm phải hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu.

Giai đoạn 4: Trình bày sản phẩm và đánh giá

Sau khi hoàn thiện báo cáo, các nhóm sẽ trình bày trước giảng viên và cả lớp về ý tưởng triển khai, quá trình thực hiện và kết quả. Giảng viên và các thành viên của các nhóm khác sẽ đóng vai trò quan sát, đưa ra các ý kiến góp ý nếu cần thiết. Giảng viên cũng sẽ đánh giá về kết quả thực hiện qua phần trình bày của nhóm và qua những bản thảo báo cáo theo yêu cầu ban đầu giảng viên đưa ra. Giảng viên có thể sử dụng đàm thoại để khuyến khích các nhóm tự đánh giá việc thực hiện đề tài của nhóm mình bằng các câu hỏi:

- *Kết quả thực hiện có phù hợp với ý tưởng và mục tiêu đặt ra ban đầu không?*
- *Công việc nào đã đưa ra trong kế hoạch mà nhóm chưa hoàn thành?*
- *Đánh giá chung về hiệu quả thực hiện công việc của nhóm?*

Giảng viên sẽ nhận xét chung về chất lượng thực hiện dự án, thái độ, tinh thần làm việc của các nhóm.

2.2.4. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Để đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức và rèn luyện KN của người học qua bài dạy, GV có thể sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau như quan sát, vấn đáp, đóng vai theo tình huống, sản phẩm thảo luận nhóm... Việc đánh giá này phải dựa trên mục tiêu, ND, nhiệm vụ và các tiêu chí đánh giá nhất định, và cần chú ý đến việc động viên, khích lệ kịp thời đối với người học.

Trong ví dụ đã phân tích ở trên, đánh giá kết quả

của SV là đánh giá khả năng SV vận dụng kiến thức, KN về tâm lí học, kiến thức KN về TVN để thực hiện mục tiêu của dự án. Và đánh giá sản phẩm của dự án học tập bằng công cụ sau:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN
 “Sử dụng trắc nghiệm
 trong tìm hiểu khí chất, tính cách HS”
 Nhóm:.....Lớp:.....

Tiêu chí	Điểm tối đa	Tự đánh giá của nhóm	Nhóm khác đánh giá	Giảng viên đánh giá
Sử dụng được các trắc nghiệm trong tìm hiểu tính cách, khí chất của HS	2			
ND báo cáo khoa học, hợp lí, logic, tổng hợp kết quả trắc nghiệm có độ tin cậy cao	3			
Đưa ra được những ngành nghề phù hợp với từng kiểu khí chất, tính cách vừa thực hiện trắc nghiệm	2			
Thuyết trình hiệu quả	2			
Sự hợp tác của các thành viên trong nhóm	1			
Tổng điểm	10			

3. Kết luận

KN TVN của GV phổ thông bao gồm nhóm KN tham vấn cơ bản và nhóm KN tham vấn chuyên biệt với 13 KN thành phần. Để GD KN TVN cho SV SPKT thông qua dạy học NVSP thì cần thực hiện những nhiệm vụ sau: 1/ Xác định ND TVN cần GD cho SV SPKT; 2/ Lựa chọn ND trong chương trình NVSP có tiềm năng tích hợp ND TVN; 3/ Vận dụng những phương pháp trong dạy học NVSP nhằm GD KN TVN cho SV SPKT; 4/ Đánh giá kết quả học



tập của SV. GD KNTVN cho SV SPKT rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay, nhằm thực hiện mục tiêu kép trong đào tạo GV kĩ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Jennifer M Kidd, (2006), *Understanding career counselling theory, research and practice*, Sage Publications.

[2] Norman C. Gysbers - Mary J. Heppner - Joseph A. Johnston, (2009), *Career counseling: Contexts, processes, and techniques*, American Counseling Association.

[3] Quyết định 126- CP của Hội đồng Chính phủ về Công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông và việc sử

dụng hợp lí học sinh các cấp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học tốt nghiệp ra trường, ngày 19 tháng 3 năm 1981.

[4] Chỉ thị 33/2003/ CT - BGDĐT về tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, ngày 23 tháng 7 năm 2003.

[5] Nghị quyết 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương khóa 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ngày 04 tháng 11 năm 2013.

[6] Thông báo 3119/BGDĐT-GDCN V/v hướng dẫn phối hợp để thực hiện giáo dục hướng nghiệp, đào tạo kĩ năng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông, ngày 17 tháng 6 năm 2014.

EDUCATING VOCATIONAL COUNSELING SKILLS FOR STUDENTS IN TECHNICAL PEDAGOGY MAJOR THROUGH TEACHING PEDAGOGY PROFESSION

NGUYEN THI DUYEN

Hung Yen University of Technology and Education

Email: nguyenduyenspkt@gmail.com

Abstract: *The paper mentions the issue of developing the skills needed for students' vocational counselling in Technical Pedagogy major. Then, the author provides ways to integrate the content of vocational counselling into teaching pedagogical subjects in the technical teachers' training program, designing illustrations for the specific topics of educating vocational counselling skills for students in Technical Pedagogy major.*

Keywords: *Education; Vocational counselling skills; Technical Pedagogy.*